

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tấn Hậu.
- Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Nguyễn Hồ Anh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 428/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thành T, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Cư trú: Số N, tổ B, ấp C, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Lê Thu N, sinh năm 1996, Vắng mặt

Cư trú: Số D, khóm P, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Thành T, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thành T và bà Lê Thu N tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2017. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 14/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được

01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân do ông T có chơi cờ bạc, bà N có quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác bên ngoài. Sau đó ông T có thay đổi là tự bỏ cờ bạc và ông T có khuyên răn bà N nhiều lần nhưng bà N không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà N.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Lê Thu N vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Thành T tranh chấp về ly hôn với bà Lê Thu N, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Ông T và bà N tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 14/3/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà N. Ông T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T có chơi cờ bạc, bà N có quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác bên ngoài. Sau đó ông T có thay đổi là

tự bỏ cờ bạc và ông T có khuyên răn bà N nhiều lần nhưng bà N không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay.

[3.1.2] Hội đồng xét xử xét: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, không tham dự phiên hòa giải cũng như không tham dự các phiên tòa. Điều này thể hiện bà N không muốn đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà N không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà N cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T. Ông Phạm Thành T được ly hôn với bà Lê Thu N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 14/3/2017 do Ủy ban nhân dân xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lê Thu N và ông Phạm Thành T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Thành T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000826 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

5/ Về quyền kháng cáo:

Ông Phạm Thành T và bà Lê Thu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan